

Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất

theo U.S.A Federal Hazcom 2012 và Canadian HPR – WHMIS 2015

PHẦN 1. Nhận biết chất/hỗn hợp & thông tin về công ty/nhà máy**1.1. Nhận biết sản phẩm:**

Mã sản phẩm HI7041
Tên sản phẩm Dung dịch châm điện cực

1.2. Các trường hợp được dùng chất hoặc hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định:

Mục đích sử dụng Dung dịch châm cho điện cực oxy hòa tan polarographic.

1.3. Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất

Tên công ty **Hanna Instruments S.R.L.**
Địa chỉ **Str. Hanna Nr. 1**
Quận và Thành phố **457260 Ioc. Nusfalau (Salaj) Rumani**
Điện thoại **(+40) 260607700**
Fax **(+40) 260607700**
Địa chỉ e-mail của người có thẩm quyền chịu trách nhiệm đối với Phiếu dữ liệu an toàn hóa chất
msds@hanna.ro
Phân phối sản phẩm bởi: **HANNA INSTRUMENTS, INC - 584 Park East Drive, Woonsocket, Rhode Island, USA 02895 – Technical Service Contact Information: +1800 426-6287 Email: sds@hannainst.com**

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Đối với các trường hợp khẩn cấp, tham khảo Số điện thoại khẩn cấp – Quốc tế: **+(1)-703-527-3887 – USA: +1 8004249300 – CHEMTREC 24 giờ/365 ngày**

PHẦN 2. Nhận biết các mối nguy hại**2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

Sản phẩm không được phân loại thành chất nguy hại căn cứ theo các quy định được đưa ra trong Tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication (HCS) (29 CFR 1910.1200).

Biểu tượng nguy hại: --
Tự hiệu: --
Các thông báo nguy hại: --
Các thông báo phòng ngừa: --
Phòng tránh: --
P273 Tránh xả thải ra môi trường
Phản ứng: --
Bảo quản: --
Tiêu hủy: --

2.2. Các nguy hại khác:

Phân loại tác động môi trường theo Reg. (EU) 1271/2008 (CLP):
Sản phẩm này được phân loại là gây nguy hại cho môi trường theo các điều khoản được quy định trong EC regulation 1272/2008 (CLP).

Phân loại nguy hại:
Gây độc cho môi trường thủy sinh, độc mãn tính, hạng 3 Gây hại môi trường thủy sinh trong thời gian dài
Các thông báo nguy hại: **H412** Gây hại cho môi trường thủy sinh trong thời gian dài.
Các thông báo phòng ngừa:
Phòng tránh: --
Phản ứng: --
Bảo quản: --

	Hanna Instruments S.R.L. HI7041 – Dung dịch điện phân	Số lần sửa đổi: 5 Ngày: 09/01/2023 Ngày in: 09/01/2023 Trang: 2 / 11 Thay cho phiên bản: 4
Tiêu hủy: --		
PHẦN 3. Thành phần/thông tin về các hợp phần		
3.2. Hỗn hợp: Sản phẩm không được phân loại thành chất nguy hại cho người và môi trường căn cứ theo các quy định được đưa ra trong Tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication (HCS) (29 CFR 1910.1200).		
PHẦN 4. Các biện pháp sơ cứu		
4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu Không có yêu cầu đặc biệt. Nên tuân thủ các quy định về vệ sinh công nghiệp. MẮT: Tháo kính áp tròng, nếu có. Rửa ngay với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, mở mí mắt hoàn toàn. Nếu vẫn đề vẫn còn, hãy tìm tư vấn y tế. DA: Loại bỏ quần áo bị ô nhiễm. Rửa sạch da bằng vòi hoa sen ngay lập tức. Giặt quần áo bị ô nhiễm trước khi sử dụng lại. HÍT PHẢI: Lấy ra để không khí mở. Nếu đối tượng ngừng thở, hãy thực hiện hô hấp nhân tạo. Nhận tư vấn / chăm sóc y tế ngay lập tức. UỐNG PHẢI: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế ngay lập tức. Đừng cố nôn. Không thử bất cứ điều gì không được bác sĩ cho phép rõ ràng.		
4.2. Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, ngay lập tức và trì hoãn: Thông tin cụ thể về các triệu chứng và tác dụng gây ra bởi sản phẩm chưa được biết.		
4.3. Dấu hiệu cần nhận chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt: Không có thông tin		
PHẦN 5. Các biện pháp phòng cháy chữa cháy		
5.1. Phương tiện chữa cháy PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY THÔNG DỤNG Phương tiện chữa cháy phải là loại thông dụng: carbon dioxide, bột hóa học, nước. PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY KHÔNG THÍCH HỢP Không có		
5.2. Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp: CÁC NGUY HẠI DO TIẾP XÚC TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ CHÁY Không hít phải các sản phẩm cháy.		
5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa: THÔNG TIN CHUNG Sử dụng vòi phun nước để làm mát thùng chứa, tránh hiện tượng phân hủy sản phẩm và phát triển các chất có thể gây nguy hại đến sức khỏe. Luôn đeo bộ thiết bị phòng chống hỏa hoạn đầy đủ. Thu gom nước chữa cháy để tránh chảy vào hệ thống cống rãnh. Xử lý nước chữa cháy đã sử dụng và phần còn lại của đám cháy theo các quy định hiện hành. THIẾT BỊ BẢO HỘ ĐẶC BIỆT CHO LÍNH CỨU HỎA Quần áo phòng cháy chữa cháy thông thường gồm bộ dụng cụ chống cháy (BS EN 469), găng tay (BS EN 659) và ủng (Thông số kỹ thuật A29 và A30 của HO) kết hợp với thiết bị thở độc lập, mặt nạ, áp suất dương, khí nén (BS EN 137).		
PHẦN 6. Xử lý hóa chất xả ra bất ngờ		
6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp Chặn rò rỉ nếu không có nguy hiểm. Mang thiết bị bảo vệ phù hợp (bao gồm cả thiết bị bảo vệ cá nhân được đề cập trong Mục 8 của bảng dữ liệu an toàn) để tránh nhiễm bẩn da, mắt và quần áo cá nhân. Những chỉ định này áp dụng cho cả nhân viên xử lý và những người liên quan đến các tình huống khẩn cấp.		
6.2. Các biện pháp phòng ngừa môi trường:		

	Hanna Instruments S.R.L.	Số lần sửa đổi: 5 Ngày: 09/01/2023						
	HI7041 – Dung dịch điện phân	Ngày in: 09/01/2023 Trang: 3 / 11 Thay cho phiên bản: 4						
Không được để sản phẩm thấm thấu đi vào hệ thống cống rãnh hoặc tiếp xúc với nguồn nước bề mặt hay nước ngầm.								
6.3. Phương pháp và vật liệu để chứa đựng và vệ sinh Thu gom sản phẩm chảy tràn cho vào thùng chứa thích hợp. Đánh giá tính tương thích của thùng chứa theo thông tin trong phần 10. Thấm hút sản phẩm dư bằng vật liệu thấm hút trợ. Đảm bảo vị trí rò rỉ được thông gió tốt. Vật liệu nhiễm bẩn phải được tiêu hủy theo các điều khoản đưa ra tại điểm 13.								
6.4. Tài liệu tham khảo cho các phần khác Tất cả các thông tin về việc bảo hộ cá nhân và tiêu hủy đều được đưa ra trong phần 8 và 13.								
PHẦN 7. Xử lý và bảo quản								
7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn: Trước khi xử lý sản phẩm, tham khảo tất cả các phần khác của phiếu an toàn hóa chất này. Tránh rò rỉ sản phẩm vào sản phẩm. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng. Thay đồ và tháo dụng cụ bảo vệ trước khi đi vào khu vực ăn uống								
7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm các vật liệu không tương thích: Chỉ lưu trữ trong thùng chứa ban đầu. Bảo quản các thùng chứa kín, ở nơi thông thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ thùng chứa tránh xa mọi vật liệu không tương thích, xem phần 10 để biết chi tiết..								
7.3. Cách sử dụng cuối cùng Không có thông tin								
PHẦN 8. Hạn chế tiếp xúc và bảo vệ cá nhân								
8.1 Các thông số kiểm soát Không có thông tin								
8.2. Kiểm soát phơi nhiễm: Thiết bị bảo vệ cá nhân phải tuân thủ các quy định hiện hành. BẢO VỆ TAY Không yêu cầu. BẢO VỆ DA Không yêu cầu. BẢO VỆ MẮT Không yêu cầu. BẢO VỆ HỆ HÔ HẤP Nếu vượt quá giá trị ngưỡng (ví dụ: TLV-TWA) đối với sản phẩm hoặc một trong các chất có trong sản phẩm, hãy đeo khẩu trang có bộ lọc được chứng nhận NIOSH, loại cần được chọn dựa theo giới hạn nồng độ sử dụng (NIOSH 42 CFR 84, OSHA 29 CFR 1910.134). Khi có khí hoặc hơi các loại và / hoặc khí hoặc hơi có chứa hạt (bình xịt, khói, sương mù, v.v.) cần có bộ lọc kết hợp. Phải sử dụng các thiết bị bảo vệ hô hấp nếu các biện pháp kỹ thuật được áp dụng không phù hợp để hạn chế người lao động tiếp xúc với các giá trị ngưỡng được xem xét. Sự bảo vệ được cung cấp bởi mặt nạ trong mọi trường hợp bị hạn chế. Nếu chất được coi là không mùi hoặc ngưỡng khứu giác của nó cao hơn TLV-TWA tương ứng và trong trường hợp khẩn cấp, hãy đeo thiết bị thở khí nén mạch hở hoặc thiết bị thở hút khí bên ngoài. Để lựa chọn chính xác thiết bị bảo vệ hô hấp, vui lòng xem tiêu chuẩn NIOSH 42 CFR 84, OSHA 29 CFR 1910.134. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM MÔI TRƯỜNG Những khí phát thải được tạo ra từ các quá trình sản xuất, bao gồm những khí được tạo ra từ thiết bị thông gió, phải được kiểm tra để đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường. Dư lượng sản phẩm không được đổ bừa bãi vào nước thải hoặc đổ xuống đường thủy								
PHẦN 9. Đặc tính lý hóa								
9.1. Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản: <table><tr><td>Ngoại quan</td><td>Dạng lỏng</td></tr><tr><td>Màu sắc</td><td>Không màu</td></tr><tr><td>Mùi</td><td>Không mùi</td></tr></table>			Ngoại quan	Dạng lỏng	Màu sắc	Không màu	Mùi	Không mùi
Ngoại quan	Dạng lỏng							
Màu sắc	Không màu							
Mùi	Không mùi							

HI7041 – Dung dịch điện phân

Ngưỡng mùi	Không có thông tin
pH	4 theo phương pháp ASTM D1293-18, nhiệt độ 25°C
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi bắt đầu	Không có thông tin
Dãi sôi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	Không có thông tin
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới	Không có thông tin
Giới hạn cháy trên	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên	Không có thông tin
Áp suất hơi	17.5 mmHg
Mật độ hơi	Không có thông tin
Mật độ tương đối	1.04
Khả năng hòa tan	Tan trong nước
Hệ số khuếch tán: n-octanol/nước	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Độ nhớt	Không có thông tin
Đặc tính nổ	Không có thông tin
Đặc tính ô-xy hóa	Không có thông tin

9.2. Thông tin khác:

Tổng các chất rắn (250°C/482°F) 7.16%

PHẦN 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng**10.1. Khả năng phản ứng:**

Không có rủi ro đặc biệt về phản ứng với các chất khác trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.2. Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm ổn định trong điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường.

10.3. Khả năng có phản ứng nguy hại:

Không có phản ứng nguy hiểm trong điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có thông tin cụ thể. Tuy nhiên nên tuân theo các biện pháp phòng ngừa thông thường sử dụng cho các sản phẩm hóa chất.

10.5. Vật liệu không tương thích

Không có thông tin liên quan.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hại

Không có thông tin liên quan.

PHẦN 11. Thông tin về độc tính

Theo thông tin hiện tại, sản phẩm này chưa gây hại cho sức khỏe. Tuy nhiên, nên tuân thủ yêu cầu thực hành công nghiệp.

11.1. Thông tin về các ảnh hưởng độc tính

Cơ chế chuyển hóa, cơ chế gây độc, cơ chế hoạt động và các thông tin khác

Không có thông tin liên quan

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể xảy ra

Không có thông tin liên quan

Tác động chậm và tức thì cũng như tác động nhiễm sắc do tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn
Không có thông tin liên quan

Tác động tương tác
Không có thông tin liên quan

ĐỘC CẤP TÍNH
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

KÍCH ỨNG DA
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

TỒN THƯƠNG MẮT NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này.

MẮN CẢM HỆ HÔ HẤP HOẶC DA
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

ĐÔT BIẾN TẾ BÀO MÀM
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

TÁC NHÂN GÂY UNG THƯ
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

ĐỘC VỚI HỆ SINH SẢN
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

STOT – PHƠI NHIỄM MỘT LẦN
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

STOT – PHƠI NHIỄM NHIỀU LẦN
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

NGUY HẠI VỚI HỆ HÔ HẤP
Không thỏa mãn các tiêu chí phân loại đối với loại nguy hại này

PHẦN 12. Thông tin về sinh thái

Sản phẩm này nguy hiểm đối với môi trường và vi sinh vật thủy sinh. Trong thời gian dài, có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thủy sinh.

12.1 Độc tính

Không có thông tin

12.2. Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có thông tin

12.3. Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin

12.4. Khả năng di chuyển trong đất:

Không có thông tin

12.5. Các kết quả của đánh giá PBT và vPvB:

Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không chứa bất kỳ phần trăm PBT hoặc vPvB vượt quá 0.1%.

12.6. Các ảnh hưởng bất lợi khác

Không có thông tin

PHẦN 13. Cân nhắc khi tiêu hủy

13.1. Phương pháp tiêu hủy rác thải

Sử dụng lại khi có thể. Dư lượng của sản phẩm nên được xem là rác thải đặc biệt không nguy hại.

	Hanna Instruments S.R.L.	Số lần sửa đổi: 5 Ngày: 09/01/2023
	HI7041 – Dung dịch điện phân	Ngày in: 09/01/2023 Trang: 6 / 11 Thay cho phiên bản: 4
Phải được tiêu hủy bởi một công ty quản lý rác thải được ủy quyền phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương. BAO BÌ NHIỄM BẮN Bao bì nhiễm bẩn phải được thu lại hoặc tiêu hủy theo các quy định quản lý rác thải quốc gia.		
PHẦN 14. Thông tin về vận chuyển Sản phẩm không nguy hiểm theo quy định hiện hành của Bộ luật Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ (ADR) và Đường sắt (RID), Bộ luật Hàng hải quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm (IMDG), và các quy định của Hiệp hội Vận tải Hàng không (IATA). 14.1 Số UN Không áp dụng 14.2 Tên vận chuyển thích hợp theo UN Không áp dụng 14.3. Loại nguy hại khi vận chuyển Không áp dụng 14.4. Nhóm bao bì Không áp dụng 14.5. Các nguy hại đến môi trường Không áp dụng 14.6. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt đối với người dùng Không áp dụng 14.7. Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của Marpol và Bộ luật IBC Không có thông tin.		
PHẦN 15. Thông tin quản lý 15.1. Các quy định/luật pháp cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất hoặc hỗn hợp <u>Điều luật Liên bang Hoa Kỳ</u> <u>TSCA:</u> Toàn bộ thành phần của sản phẩm đều được liệt kê trong Danh mục TSCA. <u>Mục 112(b), Đạo luật Không khí Sạch:</u> Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê <u>Các chất thuộc Nhóm I Mục 602, Đạo luật Không khí Sạch:</u> Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê <u>Các chất thuộc Nhóm II Mục 602, Đạo luật Không khí Sạch:</u> Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê <u>Đạo luật Không khí Sạch – Các chất gây ô nhiễm được Ưu tiên:</u> Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê <u>Đạo luật Không khí Sạch – Các chất gây ô nhiễm Độc hại:</u>		

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các Hóa chất thuộc Danh sách I của DEA (Hóa chất Tiền chế):

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các Hóa chất thuộc Danh sách II của DEA (Hóa chất Thiết yếu):

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Danh sách của EPA về các Danh mục:

313 Category Code:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng Hoạch định Ngưỡng (TPQ) của EHS theo Mục 302, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng có thể báo cáo (RQ) của EHS theo Mục 304, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng có thể báo cáo theo CERCLA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Danh sách Chất thải Độc hại (TRI) theo Mục 313, EPCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Bộ Quy định của RCRA:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Lượng ngưỡng (TQ) trong RMP theo Mục 112 (r), CAA

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Các quy định của bang

Massachusetts:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Minnesota:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

New Jersey:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

New York:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Pennsylvania:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

California:

Không có thành phần nào của sản phẩm được liệt kê

Kiến nghị 65:

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào gây ung thư, nguy hại đến hệ sinh sản hoặc dị tật bẩm sinh được quy định bởi Bang California.

Các quy định quốc tế

Các hóa chất trong báo cáo xuất khẩu theo Quy định (EC) 649/2012:

Không có

Các hóa chất trong Công ước Rotterdam:

Không có

Các hóa chất trong Công ước Stockholm:

Không có

PHẦN 16. Thông tin khác

CHÚ THÍCH:

- 313 CATEGORY CODE: Mã hạng tại Mục 313, Đạo luật về Quyền được biết của Cộng đồng và Kế hoạch Khẩn cấp
- ADR: Hiệp định Châu Âu liên quan đến việc Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
- CAA 112 ® RMP TQ: Lượng Ngưỡng trong Kế hoạch Quản lý Rủi ro (Mục 112 ®, Đạo luật Không khí Sạch)
- CAS NUMBER: Số Dịch vụ Tóm tắt Hóa chất
- CE50: Nồng độ ảnh hưởng (yêu cầu nồng độ gây ảnh hưởng 50%)
- CERCLA RQ: Lượng có thể báo cáo (Đạo luật về Trách nhiệm Pháp lý, Bồi Thường và Phản ứng Toàn diện về Môi trường)
- CLP: Quy định EC 1272/2008
- DEA: Cơ quan Phòng chống Ma túy Hoa Kỳ
- EmS: Trường hợp Khẩn cấp
- EPA: Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ
- EPCRA: Đạo luật về Quyền được biết của Cộng đồng và Kế hoạch Khẩn cấp
- EPCRA 302 EHS TPQ: Lượng Hoạch định Ngưỡng của Chất Cực Nguy hại (Mã hạng tại Mục 302)
- EPCRA 304 EHS RQ: Lượng có thể báo cáo của Chất Cực Nguy hại (Mã hạng tại Mục 304)
- EPCRA 313 TRI: Danh sách Chất thải Độc hại (Mã hạng tại Mục 313)
- GHS: Hệ thống Hải hoà Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hoá chất
- IATA DGR: Quy định Hàng hóa Nguy hiểm của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
- IC50: Nồng độ Cố định 50%
- IMDG: Bộ luật Quốc tế về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
- IMO: Tổ chức Hàng hải Quốc tế
- LC50: Nồng độ Gây chết 50%
- LD50: Liều lượng Gây chết 50%
- OEL: Mức độ Phơi nhiễm Nghề nghiệp
- PEL: Mức độ Phơi nhiễm Dự đoán
- RCRA Code: Bộ Quy định của Đạo luật về Thu hồi và Bảo tồn Tài nguyên
- REL: Giới hạn Phơi nhiễm Đề xuất
- RID: Quy tắc quốc tế liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
- TLV: Giá trị Giới hạn Ngưỡng
- TLV CEILING: Nồng độ phơi nhiễm nghề nghiệp không được vượt quá trong bất kỳ thời điểm nào.
- TSCA: Đạo luật Kiểm soát Chất độc
- TWA STEL: Giới hạn Phơi nhiễm Ngắn hạn
- TWA: Giới hạn phơi nhiễm trung bình theo thời gian
- VOC: Các Hợp chất Hữu cơ Dễ bay hơi
- WHMIS: Hệ thống Thông tin Vật liệu Nguy hại Nơi làm việc.

MỤC LỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHUNG:

- GHS rev. 3 (phiên bản 3)
- The Merck Index. 10th Edition (Xuất bản lần thứ 10)
- Handling Chemical Safety (An toàn khi Xử lý Hóa chất)
- Niosh – Registry of Toxic Effects of Chemical Substances (Danh sách các Ảnh hưởng độc hại của Hóa chất)
- INRS – Fiche Toxicologique (toxicological sheet) (Bảng thông tin về độc tính)
- Patty – Industrial Hygiene and Toxicology (Vệ sinh và Độc tính Công nghiệp)
- N.I. Sax – Dangerous properties of Industrial Materials-7, 1989 Edition (Xuất bản vào tháng 7/1989)
- ECHA website (Trang web của ECHA)

- 6 NYCRR part 597 (phần 597, tiêu đề 6, Bộ luật, Quy tắc và Quy định của New York)
- Cal/OSHA website (Trang web Cal/OSHA)
- California Safe Drinking Water and Toxic Enforcement Act (Đạo luật Thực thi Nước uống và Độc tố An toàn California)
- EPA website (Trang web của EPA)
- Hazard Communication Standard (Tiêu chuẩn Thông tin về Nguy hại) (HCS 2012)
- IARC website (Trang web của IARC)
- List of Lists EPA: Consolidated List of Chemicals Subject to EPCRA, CERCLA and Section 112® of the Clean Air Act (Danh mục các Danh sách Hóa chất của EPA: Danh sách Tổng hợp các Hóa chất theo EPCRA, CERCLA và Mục 112® của Đạo luật Không khí Sạch)
- Massachusetts 105 CMR Department of public health 670.000: “Right to Know” (Massachusetts 105 CMR Sở Y tế Cộng đồng 670.000: “Quyền được biết”)
- Minnesota Chapter 5206 Department of Labor and Industry Hazardous Substance, Employee “Right to Know” (Minnesota Chương 5206 Sở Lao động và Hóa chất Công nghiệp Nguy hại, Công nhân “Quyền được biết”)
- New Jersey Worker and Community Right to Know Act N.J.S.A (Đạo luật về Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng của New Jersey, N.J.S.A)
- NTP. 2011. Report on Carcinogens, 12th Edition (Chương trình Độc học Quốc gia Hoa Kỳ. 2011. Báo cáo về Các Tác nhân gây ung thư, Xuất bản lần thứ 12)
- OSHA website (Trang web của OSHA)
- Pennsylvania, Hazardous Substance List, Chapter 323 (Pennsylvania, Danh sách Chất nguy hại, Chương 323)

Lưu ý dành cho người dùng:

Các thông tin có trong phiếu dữ liệu an toàn hóa chất này đều được dựa trên kiến thức của chúng tôi tại ngày phát hành phiên bản cuối cùng. Người dùng phải xác định khả năng tương thích và cân nhắc triệt để các thông tin được cung cấp theo từng mục đích sử dụng sản phẩm riêng.

Tài liệu này không được xem là chứng từ bảo đảm đối với bất kỳ tài sản cụ thể nào.

Việc sử dụng sản phẩm này không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của chúng tôi; do đó, người dùng phải, tự chịu trách nhiệm, tuân thủ theo các điều luật và quy định về sức khỏe và an toàn. Nhà sản xuất được miễn hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ phát sinh nào từ việc sử dụng sản phẩm không đúng cách.

Cung cấp đầy đủ các khóa đào tạo cho nhân viên được chỉ định về cách sử dụng các sản phẩm hóa học.

PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN ĐỂ PHÂN LOẠI

Sản phẩm được đánh giá phân loại dựa theo Tiêu chuẩn OSHA Hazard Communication (HCS) (29 CFR 1910.1200), trừ các xác định khác trong phần 11 và 12. Dữ liệu để đánh giá các tính chất vật lý-hóa học được báo cáo trong phần 9.

Những thay đổi đối với phiên bản trước:

Dưới đây là các phần đã được sửa đổi:

02 / 03 / 04 / 06 / 07 / 08 / 09 / 10 / 11 / 12 / 15 / 16.